

Số: 11/2021/QĐST – HNGĐ

G, ngày 09 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 152/2020/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ngọc M, sinh năm 1994.

Trú tại: Phố Me, Thị trấn M, huyện G, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1991.

Trú tại: Thôn Cầu Vàng, xã G, huyện G, tỉnh N.

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55; 58; 81; 82; 83, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 352, 353, 357 và 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 03 năm 2021.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 03 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Chị Phạm Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ con chung: Chị Phạm Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn L đều xác định có một con chung. Cháu tên là Nguyễn Bảo C, sinh ngày 07/10/2018. Hiện nay, cháu Nguyễn Bảo C đang ở với chị M. Nay ly hôn các đương sự thoả thuận giao cháu Nguyễn Bảo C cho chị Phạm Thị Ngọc M tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Bảo C đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn L phải có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị Phạm Thị Ngọc M mỗi tháng là 2.000.000 đồng, kể từ tháng 3/2021 cho đến khi cháu Nguyễn Bảo C đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.2. Về tài sản và công nợ chung: Chị Phạm Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn L đều xác định không có tài sản chung, công nợ chung.

2.3. Về án phí: Chị Phạm Thị Ngọc M nhận nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai số AA/2019/0000170 ngày 18/11/2020.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu L pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện GV;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Q